

**UBND TỈNH THANH HOÁ  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2735/SNN&PTNT-KHTC

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 7 năm 2019

V/v tham gia ý kiến chủ trương sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị, công trình của Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Hới.

Kính gửi: Sở Tài chính Thanh Hóa.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Văn bản số 2803/STC-QLNS.TTK ngày 08/7/2019 của Sở Tài chính về tham gia ý kiến chủ trương sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị, công trình của Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Hới; trên cơ sở tình hình thực tế, Sở Nông nghiệp và PTNT tham gia ý kiến như sau:

- Đến nay, Ban Quản lý Cảng cá Lạch Hới đã hoàn thiện hồ sơ về chủ trương sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị, công trình của Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Hới gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Nông nghiệp và PTNT theo đề nghị của liên ngành tại buổi làm việc với Ban quản lý cảng cá Lạch Hới.

- Trên cơ sở tình hình thực tế, xét đề nghị của Ban quản lý cảng cá Lạch Hới tại Tờ trình số 42/TTr-BQLCCLH ngày 10/7/2019, để thuận lợi cho việc giám sát, quản lý và vận hành các hệ thống trang thiết bị của Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Hới, Sở Nông nghiệp và PTNT thống nhất giao cho Ban quản lý cảng cá Lạch Hới làm chủ đầu tư các hạng mục công trình.

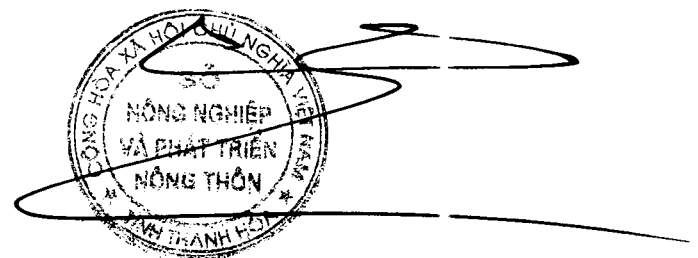
(Có phụ lục khái toán kinh phí sửa chữa kèm theo)

Đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị, công trình của Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Hới. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Đức Giang**

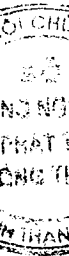
Phụ lục: **Khai toán** kinh phí sửa chữa các hạng mục công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Hới  
(Kèm theo Công văn số 2435/SNN&PTNT-KHTC ngày 19/7/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
<b>I</b>	<b>HẠNG MỤC: PHAO NEO</b>				<b>1.466.287.000</b>
1	Thuê thuyền máy 90CV di chuyển để tháo dỡ phao	ca	10	2.823.864	28.239.000
2	Trục phao	quả	117	2.251.090	263.378.000
3	Cạo rỉ các kết cấu thép	m <sup>2</sup>	793	59.272	47.003.000
4	Sơn sắt thép các loại 2 nước	m <sup>2</sup>	793	46.399	36.794.000
5	Sơn 3 lớp chống hà	m <sup>2</sup>	793	898.347	712.389.000
6	Hàn lại phao bị thủng	m <sup>2</sup>	16	386.634	6.186.000
7	Thép tấm dày 5mm	kg	628	18.539	11.642.000
8	Vận chuyển phao từ nơi sơn về khu lắp đặt	ca	10	5.767.893	57.679.000
9	Lắp phao vào vị trí	cái	117	1.516.406	177.420.000
10	Thay xích neo phao D32	kg	2.007	37.078	74.416.000
11	Thợ lặn lắp đặt phao	giờ	160	319.630	51.141.000
<b>II</b>	<b>HẠNG MỤC: ĐÈN PHA + CỘT BÁO HIỆU PHÂN LƯỜNG</b>				<b>72.315.000</b>
1	Thay bóng cao áp bằng cơ giới, chiều cao cột <14m	cái	2	491.621	983.000
2	Sơn chụp, sơn cần đèn	bộ	2	1.580.954	3.162.000
3	Kéo rải các loại dây dẫn, Lắp đặt dây dẫn 2 ruột	m	24	35.119	843.000
4	Thay hộp điều khiển chân cột	hộp	2	185.403	371.000
5	Thay bảng điện	bảng	2	292.144	584.000
6	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông gang thép, trọng lượng cấu kiện <=50kg	cấu kiện	8	101.950	816.000
7	Sản xuất, gia công biển báo phản quang biển vuông	cái	1	539.895	540.000
8	Thép làm biển báo	tấn	0	29.293.323	12.781.000
9	Sản xuất, lắp đặt biển báo phản quang	cái	8	632.550	5.060.000
10	Bu lông M16x250	cái	116	18.539	2.151.000
11	Cạo rỉ các kết cấu thép - cột biển báo	m <sup>2</sup>	21	59.272	1.273.000
12	Sơn lại cột báo hiệu	cột	8	896.658	7.173.000
13	Lắp cột biển báo	cột	8	4.572.291	36.578.000
<b>III</b>	<b>HẠNG MỤC: LOA ÂM THANH</b>				<b>83.700.000</b>
1	Thay thế dây âm thanh	m	900	29.000	26.100.000
2	Thay hệ thống loa	cái	32	1.800.000	57.600.000
<b>IV</b>	<b>HẠNG MỤC: HỆ THỐNG ĐIỆN</b>				<b>613.103.000</b>
1	Đào đất đặt đường ống, đường cáp không mở mái taluy bằng thủ công, đất C2	m <sup>3</sup>	160	341.651	54.804.000
2	Lắp đặt ống nhựa HDPE nổi bằng mảng sông, đoạn ống dài 50m, đường kính ống 63mm - ống luồn dây	100m	16	11.098.449	180.633.000



STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
3	Lắp đặt mương sông nhựa HDPE, đường kính mương sông D= 63mm	cái	65	131.331	8.537.000
4	Kéo rải Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 4x6mm <sup>2</sup>	m	2.158	103.249	222.800.000
5	Thay chóa đèn (lớp đèn) loại lớp đơn, độ cao <10m	Lớp	24	1.442.516	34.620.000
6	Sơn chụp, sơn cần đèn	bộ	24	1.550.479	37.211.000
7	Thay bóng cao áp bằng thủ công, chiều cao cột < 10m	bóng	20	306.876	6.138.000
8	Luồn dây lên đèn 2x2,5mm <sup>2</sup>	m	20	47.970	959.000
9	Đắp đất móng đường ống, cống bằng thủ công, độ	m <sup>3</sup>	260	143.193	37.289.000
10	Băng dính bọc đầu cáp	cuộn	5	24.371	122.000
11	Lưới nylon báo hiệu cáp	m <sup>2</sup>	450	31.502	14.176.000
12	Luồn cáp cửa cột	đầu cáp		63.652	
13	Lắp bảng điện cửa cột	bảng	24	288.030	6.913.000
14	Đầu cốt đồng các loại	cái	200	34.836	6.967.000
15	Cổ dè treo cáp cột đơn	bộ	6	116.212	697.000
16	Cổ dè treo cáp cột đôi	bộ	1	128.396	128.000
17	Kẹp treo	bộ	13	54.834	713.000
18	Kẹp siết	bộ	4	67.019	268.000
19	Đai thép không rỉ	bộ	7	18.278	128.000
<b>V</b>	<b>HẠNG MỤC: CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ QUẢN LÝ</b>				<b>76.161.000</b>
1	Cạo bỏ lớp vôi trên tường, trụ, cột	m <sup>2</sup>	277	14.225	3.936.000
2	Cạo bỏ lớp vôi trên xà dầm, trần	m <sup>2</sup>	92	16.597	1.529.000
3	Tháo dỡ cửa, thủ công	m <sup>2</sup>	16	9.180	147.000
4	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên gỗ	m <sup>2</sup>	32	23.709	757.000
5	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên kim loại - hoa sắt cửa	m <sup>2</sup>	16	47.419	762.000
6	Sơn tường 3 nước	m <sup>2</sup>	369	172.916	63.780.000
7	Sơn cửa gỗ pa nô 3 nước	m <sup>2</sup>	32	82.993	2.649.000
8	Sơn sắt thép các loại 3 nước	m <sup>2</sup>	16	64.073	1.030.000
9	Lắp dựng cửa không có khuôn	m <sup>2</sup>	16	98.407	1.571.000
<b>VI</b>	<b>NHẠNG MỤC: CÔNG + TƯỜNG RÀO + SÂN</b>				<b>111.901.000</b>
1	Tháo dỡ cửa, thủ công - Cửa công	m <sup>2</sup>	10	9.180	96.000
2	SX, LD cánh công thép TK (sơn tĩnh điện)	m <sup>2</sup>	10	1.359.526	14.228.000
3	Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm	m <sup>2</sup>	10	81.191	850.000
4	Cạo bỏ lớp vôi trên tường, trụ, cột	m <sup>2</sup>	215	14.225	3.058.000
5	Sơn tường 3 nước (=DT cạo)	m <sup>2</sup>	215	139.817	30.059.000
6	Cạo ri tường rào đoạn A-B; A-D	m <sup>2</sup>	111	59.272	6.574.000
7	Sơn sắt thép các loại 3 nước (=DT cạo)	m <sup>2</sup>	111	64.073	7.107.000
8	Đục nhám mặt bê tông	m <sup>2</sup>	190	35.563	6.768.000
9	Bê tông sân, đá 1x2, mác 200	m <sup>3</sup>	13	1.237.379	16.484.000



STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
10	Làm khe giãn	m	75	356.838	26.677.000
<b>VII</b>	<b>HẠNG MỤC: NHÀ ĂN + BẾP + WC</b>				<b>30.715.000</b>
1	Cạo bỏ lớp vôi trên tường, trụ, cột - trong nhà	m2	72	14.225	1.022.000
2	Cạo bỏ lớp vôi trên tường, trụ, cột - ngoài nhà	m2	93	14.225	1.325.000
3	Sơn tường 3 nước	m2	165	139.817	23.070.000
4	Đục tẩy bề mặt sàn bê tông sê nô	m2	9	101.635	956.000
5	Vệ sinh sê nô	m2	10	459	5.000
6	Quét Sika chống thấm mái, sê nô, ô văng	m2	9	57.206	538.000
7	Láng sê nô, mái hắt, máng nước, dày 1 cm, vữa XM mác 100, PC40	m2	9	59.442	559.000
8	Tháo dỡ cửa, thủ công	m2	9	9.180	86.000
9	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên cửa	m2	19	35.563	669.000
10	Sơn cửa 3 nước (= DT cạo)	m2	19	82.993	1.560.000
11	Lắp dựng cửa không có khuôn	m2	9	98.414	925.000
<b>VIII</b>	<b>HẠNG MỤC: NHÀ KHO</b>				<b>19.818.000</b>
1	Cạo bỏ lớp vôi trên tường, trụ, cột - trong nhà	m2	63	14.225	903.000
2	Cạo bỏ lớp vôi trên tường, trụ, cột - ngoài nhà	m2	50	14.225	708.000
3	Tháo dỡ cửa, thủ công	m2	7	9.180	63.000
4	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên cửa	m2	14	35.563	491.000
5	Sơn cửa 3 nước (=DT cạo)	m2	14	82.993	1.145.000
6	Sơn tường 3 nước (=DT cạo)	m2	113	139.817	15.829.000
7	Lắp dựng cửa không có khuôn	m2	7	98.414	679.000
<b>IX</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>				<b>542.070.000</b>
1	Chi phí quản lý dự án: %*(XD)				70.274.000
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				200.668.000
3	Chi phí khác				150.027.000
4	Chi dự phòng				121.101.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>3.016.070.000</b>